

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HỌC NGOẠI NGỮ CÓ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI DẠY

Năm học 2022-2023

- Căn cứ kế hoạch (Đề án) được phê duyệt số..... ngày..... Tháng..... Năm..... Của.....
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học
- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 1.101 Học sinh, Số HS bình quân mỗi lớp: 29 hs, học 2 tiết/tuần (8 tiết/tháng)

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số nhân	Thành tiền	
A	B		I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	II
I	Chi trả đơn vị liên kết đào tạo	85.98%				227,192,284	9	2,044,730,556	Hợp đồng
I.1	Chi trả đơn vị liên kết đào tạo cung cấp giáo viên người nước ngoài	78.39%				207,128,284	9	1,864,154,556	
I.2	Chi trả thù lao cho giáo viên trợ giảng của trung tâm liên kết	7.59%	Giờ dạy	304	66,000	20,064,000	9	180,576,000	Số giờ: 38 lớp x 8 giờ/ tháng = 304 giờ. Tiền lương 01 giờ theo phụ lục số 4.1 đối với giáo viên dạy Tiếng Anh
2	Chi tại trường	12.02%				31,762,916	9	285,866,244	
2.1	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)					26,007,200	9	234,064,800	
	- Kế toán		Giờ	38	63,600	2,416,800	9	21,751,200	11h/lớp 38 lớp= 38h/tháng Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thù quỹ
	- Thủ quỹ		Giờ	19	63,600	1,208,400	9	10,875,600	0.5h/lớp 38 lớp= 19/tháng Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thù quỹ
	- Lãnh đạo phụ trách (3 đ/c)		Giờ	114	99,000	11,286,000	9	101,574,000	Thời gian 3 giờ/lớp/tháng x 38 lớp = 114 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của cán bộ quản lý
	- GV quản lý lớp (Đầu giờ và giờ chuyển tiết)		Giờ	152	73,000	11,096,000	9	99,864,000	Thời gian 4 giờ/lớp/tháng x 38 lớp = 152 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của giáo viên: 731.484/10 người = 73,000đ
2.2	Phục vụ vệ sinh, điện, nước, nước uống					5,755,716	9	51,801,444	
	Lao công vệ sinh		Lớp	38	30,000	1,140,000	9	10,260,000	30.000đ/lớp/tháng
	Nước rửa tay Liboy 493ml		Chai	22	63,000	1,386,000	9	12,474,000	01 chai/ ngày
	Nước lau sàn Sunlight diệt khuẩn biến xanh (1 kg)		Chai	22	34,000	748,000	9	6,732,000	01 chai/ ngày
	Giấy vệ sinh công nghiệp 1,2Kg		Cuôn	22	35,000	770,000	9	6,930,000	01 cuộn/ ngày
	Quạt trần : 75 w/chiếc		KW	34	1948	66,232	9	596,088	38 lớp x 4 quạt = 152 chiếc x 75w x 3h/1000 = 34 số điện
	Bóng đèn tuýp: 40w/ chiếc		KW	73	1948	142,204	9	1,279,836	16 bóng x 38 lớp 608cái x 40W x 3 h/1000 = 73 số điện
	Nước sinh hoạt		M3	38	14,560	553,280	9	4,979,520	1m3 nước x 38 lớp
	Nước uống bình Quang hanh		Bình	38	25,000	950,000	9	8,550,000	1 bình x 38 lớp = 38 bình
3	Thuế	2.00%	2%			5,284,800	9	47,563,200	
	Tổng cộng (1+2+3)					264,240,000	9	2,378,160,000	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú (Làm trong mức thu)
1	Tổng kinh phí chi cả năm/lớp	Đồng	62,583,158	
2	Số học sinh/lớp	Hs/lớp	28,90	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/thang	8	
5	Tổng số giờ dạy/ năm($5=3*4$)	Giờ dạy/năm	72	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp ($6=1/5$)	Đồng	869,211	
7	Số tiền thu của 1 học sinh, giờ dạy ($7=6/2$)	Đồng	30,076	30,000

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Đại diện công đoàn nhà trường

Lê Quang Ngọc



Đào Thị Tuyết

Kế toán

Vũ Thị Mỹ Hạnh

Thủ trưởng đơn vị



Vũ Thị Hoàng Yến

Phụ lục số 7
DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HỌC KỸ NĂNG SỐNG
Năm học 2022-2023

- Căn cứ kế hoạch (Đề án) được phê duyệt số..... ngày..... Tháng..... Năm..... Của.....
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học
- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 1101 Học sinh, Số HS bình quân mỗi lớp: 29 hs, học 2 tiết/tuần (8 tiết/tháng)

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B		I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	11
1	Chi trả đơn vị liên kết đào tạo	74%				97,768,800	9	879,919,200	Hợp đồng
2	Chi tại trường	24%				31,719,236	9	285,473,124	
2.1	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)					26,007,200	9	234,064,800	
	- Kế toán		Giờ	38	63,600	2,416,800	9	21,751,200	1h/lớp 38 lớp= 38h/tháng Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thủ quỹ
	- Thủ quỹ		Giờ	19	63,600	1,208,400	9	10,875,600	0.5h/lớp 38 lớp= 19h/tháng Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thủ quỹ
	- Lãnh đạo phụ trách (3 đ/c)		Giờ	114	99,000	11,286,000	9	101,574,000	Thời gian 3 giờ/lớp/tháng x 38 lớp = 114 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của cán bộ quản lý
	- GV quản lý lớp (Đầu giờ và giờ chuyển tiết)		Giờ	152	73,000	11,096,000	9	99,864,000	Thời gian 4 giờ/lớp/tháng x 38 lớp = 152 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của giáo viên: 731.484/10 người = 73.000đ
2.2	Phục vụ vệ sinh, điện, nước, nước uống					5,712,036	9	51,408,324	
	Nhân viên vệ sinh		Lớp	38	30,000	1,140,000	9	10,260,000	30.000đ/lớp/tháng
	Nước rửa tay Liboy 493ml		Chai	22	63,000	1,386,000	9	12,474,000	01 chai/ ngày
	Nước lau sàn Sunlight diệt khuẩn biến xanh (1 kg)		Chai	22	34,000	748,000	9	6,732,000	01 chai/ ngày
	Giấy vệ sinh công nghiệp 1,2Kg		Cuôn	22	35,000	770,000	9	6,930,000	01 cuộn/ ngày
	Quạt trần : 75 w/chiếc		KW	34	1948	66,232	9	596,088	38 lớp x 4 quạt = 152 chiếc x 75w x 3h/1000 = 34 số điện
	Bóng đèn tuýp: 40w/ chiếc		KW	73	1948	142,204	9	1,279,836	16 bóng x 38 lớp 608cái x 40W x 3 h/1000 = 73 số điện
	Nước sinh hoạt		M3	35	14,560	509,600	9	4,586,400	1m3 nước x 38 lớp
	Nước uống bình Quang hanh		Bình	38	25,000	950,000	9	8,550,000	1 bình x 38 lớp = 38 bình
3	Thuế	2%	tháng			2,642,400	9	23,781,600	
	Tổng cộng (1+2+3)					132,130,436		1,189,173,924	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú (làm tròn mức thu)
1	Tổng kinh phí chi cả năm/lớp	Đồng	31,294,051	
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	28,97	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/thang	8	
5	Tổng số giờ dạy/ năm($5=3*4$)	Giờ dạy/năm	72	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp ($6=1/5$)	Đồng	434,640	
7	Số tiền thu của 1 học sinh, giờ dạy ($7=6/2$)	Đồng	15,003	15,000

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Đại diện công đoàn nhà trường

Lê Quang Ngọc

Đào Thị Tuyết

Kế toán

Vũ Thị Mỹ Hạnh



Vũ Thị Hoàng Yến

- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học
- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 448 Học sinh, Số HS bình quân mỗi lớp: 32 hs, học 2 tiết/tuần (8 tiết/tháng)

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số thanh	Thành tiền	
A	B		I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	II
I	Chi trả đơn vị liên kết đào tạo	85%				60,928,000	9	548,352,000	Hợp đồng
I.1	Chi trả đơn vị liên kết đào tạo	80%				57,344,000	9	516,096,000	
I.2	Chi trả thù lao cho giáo viên trợ giảng của đơn vị liên kết	5%	Giờ dạy	112	32,000	3,584,000	9	32,256,000	Số giờ: 14 lớp x 8 giờ/ tháng = 112 giờ. Tiền lương 01 giờ theo phụ lục số 4.1 đối với giáo viên dạy Tiếng Anh
2	Chi tại trường	15%				9,315,307	9	83,837,763	
2.1	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)					7,923,600	9	71,312,400	
	- Kế toán		Giờ	7	63,600	445,200	9	4,006,800	0.5h/lớp x 14 lớp= 7h/tháng Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thù quỹ
	- Thù quỹ		Giờ	4	63,600	254,400	9	2,289,600	0.3h/lớp x 14 lớp= 4.2/tháng Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thù quỹ
	- Lãnh đạo phụ trách (3 đ/c)		Giờ	42	99,000	4,158,000	9	37,422,000	Thời gian 3 giờ/lớp/tháng x 14 lớp = 42 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của cán bộ quản lý
	- GV quản lý lớp (Đầu giờ và giờ chuyển tiết)		Giờ	42	73,000	3,066,000	9	27,594,000	Thời gian 3 giờ/lớp/tháng x 14 lớp = 42 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của giáo viên: 731.484/10 người = 73.000đ
2.2	Phục vụ vệ sinh, điện, nước, nước uống					1,391,707	9	12,525,363	
	Nước rửa tay Liboy 493ml		Chai	11	63,000	693,000	9	6,237,000	0.5 chai/ ngày x 22 ngày
	Nước lau sàn Sunlight diệt khuẩn biển xanh (1 kg)		Chai	11	34,000	374,000	9	3,366,000	0.5 chai/ ngày x 22 ngày
	Quạt trần : 75 w/chiếc		KW	12.6	1948	24,545	9	220,903	14 lớp x 4 quạt = 56 chiếc x 75w x 3h/1000 = 12.6 số điện
	Bóng đèn tuýp: 40w/ chiếc		KW	26.88	1948	52,362	9	471,260	16 bóng x 14 lớp = 224cái x 40W x 3 h/1 000 = 26.88 số điện
	Nước sinh hoạt		M3	5	14,560	72,800	9	655,200	0.5m3 nước x 14 lớp =7m3
	Nước uống bình Quang hanh		Bình	7	25,000	175,000	9	1,575,000	0.5 bình x 14 lớp = 7 bình
3	Thuế	2.00%				1,433,600	9	12,902,400	
	Tổng cộng (1+2+3)					71,676,907	9	645,092,163	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú (Làm trong mức thu)
1	Tổng kinh phí chi cả năm/lớp	Đồng	46,078,012	
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	32	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/thang	8	
5	Tổng số giờ dạy/ năm($5=3*4$)	Giờ dạy/năm	72	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp ($6=1/5$)	Đồng	639,972	
7	Số tiền thu của 1 học sinh, giờ dạy ($7=6/2$)	Đồng	19,999	20,000

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Đại diện công đoàn nhà trường

Lê Quang Ngọc

Đào Thị Tuyết

Kế toán

Vũ Thị Mỹ Hạnh

Thủ trưởng đơn vị



Vũ Thị Hoàng Yến

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TP HÀ LONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Phụ lục số 3
DỰ TOÁN KINH PHÍ SỬ DỤNG DỊCH VỤ ĐIỆN TỬ QUẢN LÝ HỌC SINH
Năm học 2022-2023

- Căn cứ kế hoạch triển khai các khoản thu năm học 2022-2023
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học
- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ số liên lạc điện tử: 1350

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	l	2	3	4=2*3	5	6	11
I.	Chi trả nhà cung cấp theo hợp đồng							
1	Công ty cổ phần thương mại công nghệ thông tin Di động	HS	1350	10,000	13,500,000	9	121,500,000	Chi trả theo HĐ: 16 tin nhắn/học sinh/ tháng
	Tổng cộng				13,500,000		121,500,000	

II Dự toán thu

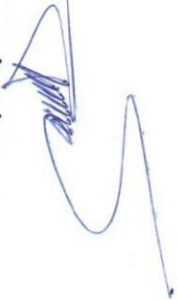
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Làm tròn mức thu
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	121,500,000	
2	Tổng số học sinh	HS	1,350	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Số tiền thu học sinh/1 tháng (7=1/2/3)	tháng	10,000	10,000
5	Số tiền thu học sinh/9 tháng (7=1/2)	Đồng	90,000	

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Đại diện công đoàn nhà trường

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị



Lê Quang Ngọc



Đào Thị Tuyết



Vũ Thị Mỹ Hạnh




Vũ Thị Hoàng Yến

TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Phụ lục số 2

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ NƯỚC UỐNG HỌC SINH

Năm học 2022-2023

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ ...
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 1.350 Học sinh

-Giá nước 1 bình 18,9 lít, chưa gồm công vận chuyển lên các khu nhà học: 25.000/bình

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	II
I.	Đối với cơ sở giáo dục mua nước uống							
	Đối với học 02 buổi/ngày							
1	Mua nước uống	Bình	536	25.000	13.400.000	9	120.600.000	- Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ 2 buổi (0,4 lít x 35 hs= 14 lít/ ngày - Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ tháng (14 lít x 22 ngày= 308 lít/tháng/1lớp)
2	Người phục vụ quản lý, cấp phát nước	Phòng	38	75.000	2.850.000	9	25.650.000	- Số lượng nước uống tổng các lớp/ tháng (308 x 38 lớp = 11.704 lít/ tháng/18,9 = 619 bình/tháng) Phân bổ vào lớp tiếng anh và kỹ năng sống, STEM: 83 bình.. Nguồn nước uống HS 619 bình - 83 bình = 536 bình
	Tổng cộng				16.250.000	18	146.250.000	Phục vụ nước đến lớp học

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú: Làm tròn mức thu
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	146.250.000	
2	Tổng số học sinh toàn trường	HS	1.350	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Số tiền thu học sinh/tháng (7=1/2/3)	Đồng	12.037	12000

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Đại diện công đoàn nhà trường

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

Lê Quang Ngọc

Vũ Thị Mỹ Hạnh

Vũ Thị Hoàng Yến

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ TỔ CHỨC BÁN TRÚ TẠI TRƯỜNG
Năm học 2022-2023

- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học
- Tổng số học sinh, trẻ tham gia dịch vụ: 1.190 Học sinh/ 38 lớp

I. Dự toán chi

189675

L. Dụ toán chi		Nội dung	Phần chi						Ghi chú
			Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B		2	3	4=2*3	5	6=4*5	7	
	Tổng chi 1+2			16,242,050	157,087,700	9	1,413,789,300		
1	Quản lý học sinh trong giờ bán trú			16,242,050	153,946,100	9	1,385,514,900		
1.1	Chi trả giáo viên trực tiếp quản lý hs trong giờ bán trú.	Người	34	4,172,850	141,876,900	9	1,276,892,100	Theo phụ lục 4.1- Phần I: 75.870/giờ x 2.5h = 189.675đ/ngày x 22 ngày = 4.172.850đ/tháng)	
1.2	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)				12,069,200	9	108,622,800	Theo quyết định phân công cán bộ tham gia trực tiếp quản lý công tác bán trú, mức chi do đơn vị tự thỏa thuận	
	- Kế toán	Người	1	2,244,000	2,244,000	9	20,196,000	68.000đ/giờ x 1,5 giờ = 102.000đ x 22 ngày = 2.244.000đ/tháng	
	- Thủ quỹ	Người	1	1,496,000	1,496,000	9	13,464,000	68.000đ/giờ 1h x 22 ngày = 1.496.000đ/tháng	
	- Y Tế	Người	1	1,795,200	1,795,200	9	16,156,800	68.000đ/giờ x 1,2giờ = 81.600đx 22 ngày = 1.795.200đ/tháng	
	- Lãnh đạo phụ trách (03 người)		1	6,534,000	6,534,000	9	58,806,000	99.000đ/giờ x 3 giờ = 297.000đ x 22 ngày = 6.534.000đ/tháng	
2	Thuế 2%				3,141,600	9	28,274,400.00		
3	Tiền ăn				575,960,000	9	5,183,640,000		
3.1	Đặt cơm xuất	Suất	1190	484,000	575,960,000	9	5,183,640,000	Cơ sở cung cấp suất ăn Thủy Chung. Đ/c số 186 - Khu 6 Phường Cao Xanh	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú (Làm tròn mức thu 01 tháng)
	Quản lý học sinh trong giờ bán trú			
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	1,413,789,300	
2	Số hs/lớp	Hs/lớp	31.3	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ quản lý/ tháng	Giờ dạy/thang	66	
5	Tổng số giờ quản lý/ năm ($5=3*4$)	Giờ dạy/năm	22,572	
6	Số tiền thu 1 giờ quản lý/ lớp ($6=1/5$)	Đồng	62,635	
7	Số tiền thu 1 học sinh/giờ quản lý ($7=6/2$)	Đồng	2,001	2000đ/giờ/học sinh x 3 giờ x 22 ngày = 132.000đ/ tháng
	Tiền ăn			
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	5,183,640,000	
2	Tổng số trẻ	Trẻ	1190	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/tháng ($4=1/2/3$)	Đồng	484,000	
5	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/tháng ($5=4/22$ ngày)	Đồng	22,000	

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Đại diện công đoàn nhà trường

Kế toán

Chủ trường đơn vị

Lê Quang Ngọc

Đào Thị Tuyết

Vũ Thị Mỹ Hạnh



Vũ Thị Hoàng Yến